

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-PT

Ngày 13-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn
giữa anh Long và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Cường

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLPT-HNGĐ ngày 17/11/2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2116/2017/QĐ-PT ngày 23/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Hữu L, sinh năm 1976; nơi cư trú: ĐKKH tại số nhà 8, khu Ninh Hải, phường A, quận DK, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Thôn 2, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 8, khu Ninh Hải, phường A, quận DK, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Phạm Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2017 và các bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Hữu L trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện KT, Hải Phòng vào năm 2000. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống, làm ăn kinh tế khó khăn. Mặt khác, chị H không tin tưởng anh trong quan hệ tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chuyển về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội đoàn tụ nên anh đề nghị được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H có 03 con chung là Phạm Thị PT, sinh ngày 18 - 9 - 2002; Phạm MV, sinh ngày 20 - 01 - 2006 và Phạm Thị Bích H, sinh ngày 28 - 9 - 2012. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Phạm MV, chị H sẽ nuôi hai cháu Phạm Thị PT và Phạm Thị Bích H. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho cả hai con.

Về tài sản chung: Anh và chị Phạm Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa nhưng chị H đều vắng mặt.

Với nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng đã áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 4 Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14; xử:

1. Cho ly hôn giữa anh Phạm Hữu L và chị Phạm Thị H.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao con chung Phạm MV, sinh ngày 20/01/2006 cho anh Phạm Hữu L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

- Giao con chung Phạm Thị PT, sinh ngày 18/9/2002 và Phạm Thị Bích H, sinh ngày 28/9/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Hữu L đóng góp nuôi con đối với cháu Thảo và cháu H 3.000.000 đồng/tháng (cụ thể mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Thảo và cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật cho chị Phạm Thị H.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2017 bị đơn chị Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để vợ chồng chị được đoàn tụ và trường hợp nếu anh L cương quyết ly hôn thì đề nghị giao ba con chung cho chị nuôi dưỡng hoặc giao cả ba con cho anh L nuôi dưỡng để các con không phải chia tách. Việc đóng góp nuôi con là do anh L tự nguyện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn và trình bày mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị vẫn còn tình cảm với chồng nhưng chị không đưa ra được phương án đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết bác đơn ly hôn của chồng chị. Trong trường hợp anh L nhất quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hữu L không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H về việc đoàn tụ, anh cho rằng hiện tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay, bản án sơ thẩm xử cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H là đúng, anh đồng ý để chị H nuôi cả ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh tự nguyện cấp dưỡng cho cả ba con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ tình cảm lẫn nhau, cả hai không đưa ra được phương án đoàn tụ, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân. Anh L khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, bản án sơ thẩm cho ly hôn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H, về quan hệ hôn nhân giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận giao chị H nuôi cả ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nhưng anh L tự nguyện cấp dưỡng cho cả ba con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thời hạn kháng cáo: Bản án sơ thẩm xử ngày 26/9/2017, chị H vắng mặt tại phiên tòa, ngày 11/10/2017 chị H mới nhận được bản án. Ngày 23/10/2017, chị H làm đơn kháng cáo, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của chị H trong hạn luật định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Hữu L và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện KT, thành phố Hải Phòng ngày 16/11/2000, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 1986 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, mặt khác chị H không tin tưởng, nghi ngờ anh L có người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Từ tháng 01/2017 anh L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Chị H cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân như anh L trình bày. Tuy nhiên vì các con của anh chị còn nhỏ, mặc khác chị vẫn còn tình cảm với anh L nên chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, nhưng chị H không đưa ra được phương án khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H là có, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh L được ly hôn chị H là có căn cứ nên kháng cáo của chị H không có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khả năng kinh tế, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con của hai vợ chồng, nguyện vọng của các con nên đã giao cháu Phạm MV cho anh L nuôi dưỡng và giao hai con Phạm Thị PT, Phạm Thị Bích H cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/cháu/tháng cho chị H là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả ba cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự nên cần chấp nhận giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả ba cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng, do vậy cháu Phạm

Thị Bích H nhỏ nhất nên mức cấp dưỡng 1.800.000 đồng/tháng, đối với cháu Phạm MV và Phạm Thị PT mức cấp dưỡng 1.600.000 đồng/tháng.

Vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H. **Chấp nhận sự thỏa thuận** của các đương sự, sửa một phần bản án về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị H không được chấp nhận nên chị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị H. Chấp nhận thỏa thuận của các đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu L được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm MV, sinh ngày 20/01/2006; Phạm Thị PT, sinh ngày 18/9/2002 và Phạm Thị Bích H, sinh ngày 28/9/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phạm Thị PT và cháu Phạm Thị Bích H mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017.

Anh Phạm Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phạm MV, Phạm Thị PT mỗi cháu 1.600.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phạm Thị Bích H 1.800.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Vũ, cháu Thảo và cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật cho chị Phạm Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hữu L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh L phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 3578 ngày 31/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DK, thành phố Hải Phòng. Anh L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0014026 ngày 09/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DK, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận DK;
- Chi cục THADS quận DK;
- UBND xã K;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng

